TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ -TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phú Hoa

Ông Trần Phi Tiển

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Cẩm Linh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995; địa chỉ: Khối phố C, phường Th, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1998; địa chỉ: Kiệt 04/06 đường Trần V, phường X, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh V trình bày:

Ông và bà Trần Thị Kim A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phương X, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con, về kinh tế, nên không hôn nhân không hạnh phúc. Từ cuối tháng 8 năm 2022, sau khi hai vợ chồng cãi vã thì bà A bỏ về nhà cha mẹ của bà A ở, hiện bà A đã ra Đà Nẵng làm việc. Từ khi bà A bỏ nhà đi đến nay một mình ông nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Nay tình

cảm giữa ông và bà A không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 02/8/2015 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 07/12/2020. Nguyện vọng của ông khi ly hôn là được nuôi hai con đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000/1 con chung) đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị Kim A:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…) nhưng bà A không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Kim A được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim A đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà A vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh V và bà Trần Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông V và bà A là hợp pháp. Theo trình bày của ông V thì trong quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên hôn nhân của vợ chồng ông không có hạnh phúc. Từ cuối tháng 8 năm 2022, sau khi hai vợ chồng cãi vã thì bà A bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà A ở, hiện bà A đã ra thành phố Đà Nẵng làm việc, từ đó đến nay bà A không về thăm các con. Nay ông không còn tình cảm với bà A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A. Quá trình giải quyết vụ án, bà A đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành việc hòa giải và

bà A cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V thể hiện bà A không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông V và bà A đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông V được ly hôn với và bà A là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông V, bà A có hai con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 02/8/2015 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 07/12/2020. Nguyện vọng của ông V khi ly hôn là được nuôi hai con đến khi đủ 18 tuổi. Mặc dù tại bản trình bày của cháu H, cháu muốn ở với mẹ, tuy nhiên theo trình bày của ông V thì sau khi hai vợ chồng cãi vã vào khoảng cuối tháng 8 năm 2022 thì bà A đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà A ở, hiện tại bà A đã ra thành phố Đà Nẵng làm việc, từ đó đến nay một mình ông chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Quá trình giải quyết vụ án, bà A không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông V nên không có cơ sở xem xét. Xét thấy hiện ông V có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con, nên giao hai con cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh V yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/1 con chung) đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông V là phù hợp, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của các con nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Minh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bà Trần Thị Kim A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh V về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với bị đơn bà Trần Thị Kim A.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh V được ly hôn với bà Trần Thị Kim A.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 02/8/2015 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 07/12/2020 cho ông Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Kim A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(1.000.000 đồng/01 con chung)* cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012109 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA TP.Tam Kỳ;
- UBND phường X, Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân